

Số: 712/2019/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 10 tháng 06 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 683/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Đ, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Căn hộ B2-305 Tòa nhà H, N, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà A, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Căn hộ B2-305 Tòa nhà H, N, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Đ và bà A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 2/2012 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C cấp ngày 17/12/2012.

[2] Theo Đơn yêu cầu ghi ngày 11/3/2019, Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 31/5/2019 và Đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành ngày 31/5/2019, ông Đ và bà A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Đ và bà A tự nguyện ly hôn nên cần chấp nhận. Về

con chung: Không có. Về tài sản chung: bà Anh và ông Đông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 2/2012 ngày 17/02/2102 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C cấp cho ông Đ và bà A không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Đ và bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Đ và bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000795 ngày 31/05/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ và bà A đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND X.T, H.B, T.C;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng Cúc**